TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 978/2026/DS-ST
Ngày: 05 - 6 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Bà Châu Thị Hồng Đào

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đông Anh

2. Ông Lê Hoàng Ngọc Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Ngọc Thành Nguyên là thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 577/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 489/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam); địa chỉ: số I đường P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm 1988; địa chỉ nơi làm việc: phòng số D, tầng 4, tòa nhà S đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 04/12/2025).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Hoàng Anh P, sinh năm 1976; địa chỉ: số G đường P, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà G có mặt, ông P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Phước Quỳnh G là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 03/11/2023, ông Phạm Hoàng A P ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 5033711 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng). Công ty T (Việt Nam) (gọi tắt là Công ty) cho ông P vay số tiền 20.570.700 đồng (bao gồm khoản vay 19.100.000 đồng và phí bảo hiểm 1.470.700 đồng), thời hạn vay 30 tháng, ngày đề nghị thanh toán là 25 hàng tháng, lãi suất: 50%/năm.

Ngày 03/11/2023, Công ty giải ngân cho ông P số tiền 19.100.000 đồng qua tài khoản số 060103997863 của ông P tại Ngân hàng S (chứng cứ là phiếu báo nợ của Ngân hàng T1). Theo điểm b khoản 7.4 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng có thỏa thuận đối với phí bảo hiểm là Công ty chuyển số tiền phí bảo hiểm mà ông P vay của Công ty để thanh toán trực tiếp cho công ty B cung cấp sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm.

Theo Hợp đồng tín dụng, ông Phạm Hoàng Anh P có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 30 tháng bắt đầu từ kỳ thứ nhất vào ngày 25/11/2023 đến kỳ cuối cùng vào ngày 25/04/2026.

Sau khi được giải ngân đến ngày 28/5/2025, ông Phạm Hoàng Anh P đã thanh toán số tiền 15.227.721 đồng (gốc đã trả: 135.741 đồng; lãi đã trả: 14.934.888 đồng; phí: 156.238 đồng; lãi chậm trả 854 đồng). Từ ngày 29/5/2025, ông Phạm Hoàng Anh P đã không thanh toán/thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân.

Ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nên Công ty căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng để khởi kiện yêu cầu:

- Ông Phạm Hoàng Anh P có nghĩa vụ trả cho Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 05/6/2026 là 35,361,831 đồng, trong đó: nợ gốc là 20,434,959 đồng, nợ lãi trong hạn là 5,870,804 đồng, nợ lãi quá hạn là 8,575,510 đồng và tiền lãi chậm trả là 480,558 đồng.

- Ông Phạm Hoàng Anh P tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 06/6/2026 cho đến khi trả xong khoản nợ trên.

2. *Bị đơn – ông Phạm Hoàng Anh P không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định..

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Công ty khởi kiện yêu cầu ông P trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Ông P cư trú tại phường G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025, quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông P nhưng ông P vắng mặt, không nộp *(gửi)* cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 5033711 ngày 03/11/2023 giữa Công ty T (Việt Nam) và ông Phạm Hoàng Anh P và bảng tính nợ gốc, nợ lãi ngày 05/6/2026 của Công ty, Hội đồng xét xử xét thấy Công ty yêu ông

P trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền nợ gốc và nợ lãi là 35,361,831 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Công ty yêu cầu ông P tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 5033711 ngày 03/11/2023 kể từ ngày 06/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử cần buộc ông P trả tất cả các khoản nợ nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Phạm Hoàng Anh P có nghĩa vụ trả cho Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 05/6/2026 là 35,361,831 (ba mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi mốt ngàn tám trăm ba mươi mốt) đồng, trong đó: nợ gốc là 20,434,959 (hai mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm năm mươi chín) đồng, nợ lãi trong hạn là 5,870,804 (năm triệu tám trăm bảy mươi ngàn tám trăm lẻ bốn) đồng, nợ lãi quá hạn là 8,575,510 (tám triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm mười) đồng và tiền lãi chậm trả là 480,558 (bốn trăm tám mươi nghìn năm trăm năm mươi tám) đồng.

Kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong, ông P còn phải chịu tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà

các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 5033711 ngày 03/11/2023.

Trường hợp trong văn bản tín dụng nêu trên, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty T (Việt Nam) được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 710,227 (bảy trăm mười ngàn hai trăm hai mươi bảy) đồng theo theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0009996 ngày 02/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông P phải nộp số tiền án phí là 1,768,092 (một triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn không trăm chín mươi hai) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào